

Bản án số: 05/2023/HNGĐ- ST.
Ngày: 16/11/2023. V/v Ly
hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B – TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Lương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Thanh Bình;
2. Ông Nguyễn Quang Khải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Đoàn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên .

Ngày 16/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2023/TLST – HNGĐ ngày 15/8/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2023/QĐXX - ST ngày 26/9/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST - HPT ngày 26/10/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Tòng Thị Đ – Sinh năm 1979 "có mặt".

Nơi cư trú: Bản X, xã T A, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Chị Tòng Thị Đ – Sinh năm 1981 " vắng mặt".

Nơi cư trú: Bản X, xã T A, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 11/8/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, anh Tòng Thị Đ (nguyên đơn) trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Tôi và cô Điện lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã T A, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên ngày 21/12/2001. Trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chúng tôi đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn không giải quyết được mà ngày càng trầm trọng. Chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Chúng tôi không còn quan tâm đến nhau, xét thấy tình cảm của tôi với cô Điện không còn, vì vậy tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với cô Điện.

2. *Về con chung:* Anh Nguyên khai vợ chồng có 02 con chung là Tòng Văn Xuân, sinh ngày 19/01/2004 và Tòng Thị Nga, sinh ngày 07/5/2010. Anh Nguyên có nguyện vọng được nuôi cháu Nga, còn cháu Xuân đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Không yêu cầu chị Điện phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản:* Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án (bị đơn) chị Tòng Thị Đ trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn lấy nhau tự nguyện, có đăng ký tại UBND xã T A, huyện Đ B vào ngày 21/12/2001, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không mâu thuẫn. Nay anh Nguyễn làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì tôi không đồng ý ly hôn. Lý do không muốn gia đình tan nát.

Về con chung: Chị Điện khai vợ chồng có 02 con chung là Tòng Văn Xuân, sinh ngày 19/01/2004 và Tòng Thị Nga, sinh ngày 07/5/2010.

Chị Điện có nguyện vọng muốn được nuôi con là cháu Nga và yêu cầu anh Nguyễn cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng một tháng.

Tại bản tự khai của cháu Nga là có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Về tài sản: Tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, diện tích ruộng nương: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân có xác nhận của UBND xã đã xác định: Sau khi đăng ký kết hôn đến năm 2022 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ tháng 02 năm 2022 cho đến nay.

- Về tài sản của vợ chồng: Anh Nguyễn cho vợ con hết.

- Về con chung: Có 02 con chung là Tòng Văn Xuân, sinh ngày 19/01/2004 và Tòng Thị Nga, sinh ngày 07/5/2010, hiện nay các cháu đang ở cùng với mẹ.

4. *Về án phí:* Căn cứ Điều 147/BLTTDS; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn phải chịu 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Anh Nguyễn đã nộp 300.000đ theo biên lai số: 0005304 ngày 14/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn anh Tòng Thị Đ, Tòa án xác định đây là vụ án: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn xin ly hôn với chị Điện, chị Điện có hộ khẩu thường trú tại xã T A, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39/BLTTDS.

[3]. Về điều luật áp dụng: Chị Điện và anh Nguyễn kết hôn năm 2001, đến năm 2023 thì anh Nguyễn khởi kiện xin ly hôn, nên Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tòng Thị Đ và anh Tòng Thị Đ lấy nhau có đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn giữa hai người là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai người bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến hai người thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không thể chung sống với nhau và dẫn đến hai người sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị Điện và anh Nguyễn đang trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh Nguyễn xác định tình cảm của mình đối với chị Điện không còn nữa, hai người không còn thể hiện sự quan tâm

đến nhau. Tại phiên tòa anh Nguyễn vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh được ly hôn với chị Điện. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của anh Nguyễn và áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 xử cho ly hôn giữa chị Tòng Thị Đ và anh Tòng Thị Đ

[5]. Về con chung: Hai vợ chồng có 02 con chung là cháu Tòng Văn Xuân, sinh ngày 19/01/2004 và Tòng Thị Nga, sinh ngày 07/5/2010. Cháu Xuân đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Điện có nguyện vọng là được nuôi con chung chưa thành niên là cháu Nga và yêu cầu anh Nguyễn cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 03 triệu đồng.

Tại bản tự khai của cháu Nga cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ.

Tại phiên tòa anh Nguyễn đồng ý cho chị Điện nuôi con chung chưa thành niên là cháu Nga, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Điện và giao con chung là cháu Nga cho chị Điện trực tiếp chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Điện yêu cầu anh Nguyễn cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng. Anh Nguyễn chỉ chấp nhận cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000 đồng một tháng, vì lý do là mỗi tháng anh Nguyễn chỉ có mức thu nhập từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. **Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng 1.500.000đ/tháng là phù hợp, nên cần chấp nhận ý kiến của anh Nguyễn.**

[6]. Về tài sản:

[6.1]. Tài sản riêng, tài sản chung, diện tích ruộng: Không yêu cầu giải quyết.

[6.2]. Nợ phải trả, nợ lấy về: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0005304 ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, anh Nguyễn đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Nguyễn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Đối với bị đơn Tòng Thị Đ: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, các đương sự đã nhận được thông báo của Tòa án, chị Điện đã đến Tòa án để viết bản tự khai, tham gia các phiên họp, hòa giải. Nhưng sau đó bị đơn không đến tham gia phiên tòa do Tòa án tiến hành theo quy định của pháp luật, gây cản trở hoạt động tố tụng của Tòa án và của đương sự khác. Điều này chứng tỏ bị đơn tự tước đi quyền, nghĩa vụ của mình trong thời gian giải quyết vụ án. Hơn thế nữa việc bị đơn không đến Tòa án theo giấy thông báo, triệu tập của Tòa án còn thể hiện bị đơn không tôn trọng Tòa án, không chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Tòa án đã gửi quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho các đương sự, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. HĐXX căn cứ Khoản 3 Điều 228/BLTTDS, Điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228; Khoản 1 Điều 235, Điều 264 và Điều 267/BLTTDS;
- Áp dụng: Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, **110, 117** Luật hôn nhân & gia đình.

1. Tuyên xử: Cho anh Tòng Thị Đ được ly hôn với chị Tòng Thị Đ.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Điện, giao con chung là cháu Tòng Thị Nga, sinh ngày 07/5/2010 cho chị Điện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Anh Nguyễn mỗi tháng cấp dưỡng nuôi con chung là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày **01/12/2023** và được thực hiện định kỳ hàng tháng cho đến khi thành niên và có khả năng lao động hoặc có thay đổi khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3- Về Tài sản: Không xem xét.

4- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a Khoản 5, Điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0005304 ngày 14/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, anh Nguyễn đã nộp đủ án phí DSST.

Anh Nguyễn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

5- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Căn cứ điều 26 Luật thi hành án dân sự: "Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND H.Đ.B;
- Chi cục THSDS H.ĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã T A;
- Lưu,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Văn Lương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Quang Khải

Lường Văn Lương

Lò Thị Thanh Bình

